

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **213** /KH-UBND

Tỉnh Biên, ngày **11** tháng 11 năm 2020

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 – 2025
CỦA HUYỆN TỈNH BIÊN**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 14/08/2015 của Huyện ủy Tỉnh Biên về Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tỉnh Biên khóa XI, nhiệm kỳ 2015 – 2020 và Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 – 2020, kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

1. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân đạt 95 triệu đồng/ha: Năm 2019 đạt 124,93 triệu đồng/ ha, năm 2020 là 125 triệu đồng đạt 131,57%KH (dưới đây viết tắt là KH).
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa đến năm 2020 đạt 3.070 tỷ đồng: Năm 2019 đạt 5.089,572 tỷ đồng, năm 2020 là 5.089,572 tỷ đồng đạt 165,75%KH.
3. Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế địa bàn 05 năm đạt 445 tỷ đồng: Đến năm 2019 tổng thu là 362,404 tỷ đồng, đạt 81,44%KH; năm 2020 lũy kế thu 450,804 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 101,3% KH.
4. Quy mô dân số đến năm 2020 đạt 108.607 người (giảm 13.971 người).
5. Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đến năm 2020: Mẫu giáo đạt 107,06%/70%; Tiểu học đạt 102,08%/70%, Trung học cơ sở đạt 102,29%/79%; Trung học phổ thông và tương đương đạt 95,51%/50% → vượt KH.
6. Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đến năm 2020 đạt 43,5%: Đến năm 2019 đạt 45,7%. Năm 2020 đạt 46,11% vượt KH.
7. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 02% năm theo chuẩn nghèo hiện hành: Từ năm 2016 đến năm 2019 giảm 13,95%, vượt NQ (NQ = 10%; năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo 17,77%; năm 2019 còn 1.364 hộ nghèo, tỷ lệ 4,46%); năm 2020 giảm 1,05 %, hiện còn 1.041 hộ nghèo, tỷ lệ 3,41% vượt KH.

8. Số giường bệnh trên mười ngàn dân đến năm 2020 đạt 16,56 giường: Năm 2019 là 15,67 giường, năm 2020 là 16,57 giường, vượt 100,06%KH.

9. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2020 giảm còn 9%: Năm 2019 là 9,37%; năm 2020 là 09% đạt 100%KH.

10. Số bác sĩ trên mười ngàn dân đến năm 2020 đạt 5,3: Năm 2019 đạt 6,27 bác sĩ, năm 2020 đạt 6,26 bác sĩ, vượt 138,08% KH.

11. Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đến năm 2020 đạt 80%: Năm 2019 đạt 95,22% và năm 2020 đạt 98,78%, vượt KH.

12. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 đạt 100%: Năm 2019 đạt 100%KH và năm 2020 duy trì đạt 100% KH.

13. Thu gom chất thải rắn ở đô thị đến năm 2020 đạt 98%: Năm 2019 đạt 97,33% và năm 2020 là 98,09% vượt KH.

14. Đến năm 2020 có tối thiểu 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đến năm 2019 có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 200%KH.

- Kết quả thực hiện có 14/14 chỉ tiêu đạt, vượt Nghị quyết (NQ), trong đó có 12 chỉ tiêu vượt NQ (giá trị sản xuất nông nghiệp trên 01 ha đất canh tác; tổng mức bán lẻ hàng hóa; quy mô dân số; thu ngân sách; tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi; tỷ lệ lao động qua đào tạo; tỷ lệ giảm hộ nghèo; số giường bệnh trên mười ngàn dân; số bác sĩ trên mười ngàn dân; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân; tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới và 02 chỉ tiêu đạt NQ gồm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

* Về mục tiêu của Nghị quyết: Huyện Tịnh Biên đạt tiêu chí đô thị loại IV, đã đạt được nội dung cơ bản của Nghị quyết.

I. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Kinh tế:

a) Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất, cơ cấu lại nông nghiệp, công nghiệp, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp chuyên biến tích cực tập trung 3 nội dung chủ yếu là: Đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả thủy lợi vùng cao; tích cực chuyển dịch diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang rau màu, cây ăn trái¹ và từng bước ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, xây dựng 53 mô hình và thu hút doanh nghiệp đầu tư kể cả trồng trọt và chăn nuôi²; trong đó có 33 ha xoài đạt tiêu chuẩn VietGap, cấp mã code để liên kết xuất khẩu.

¹ Diện tích chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu, cây ăn trái là 1.648,64 ha; diện tích cải tạo vườn tạp sang trồng cây ăn trái chuyên canh là 2.492,22 ha.

² Cty Trang trại Hữu cơ Bảy Núi 30 ha trong đó hệ thống nhà lưới 16.000m², sản xuất dưa lưới bình quân thu hoạch 1.000m²/tuần; Cty An Khang 05 ha nuôi heo công nghệ cao bình quân 2,5 đọt 6.500 con heo/năm và 150.000 con gà/năm. Cty Việt Thắng 37 ha đang xây dựng, quy mô 5.000 heo nái sinh sản, 50.000 heo thịt ở xã An Cư. Toàn huyện có diện tích tưới công nghệ cao 107.312 m²; số diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 134.272 m².

- Trồng trọt: diện tích lúa ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật như: 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm góp phần tăng năng suất lúa lên 7,19 tấn/ha, tăng 1,33 tấn/ha so với năm 2015; giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 125 triệu đồng/ha, tăng 191,66 % so năm 2015; đã liên kết 11 doanh nghiệp trong sản xuất (cây khoai mì, cây đậu đỏ, đậu phộng) và tiêu thụ sản phẩm (lúa, xoài...)³.

- Về thủy lợi: Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao (hệ thống trạm bơm 3/2 giai đoạn 2; trạm bơm bọng Đình Nghĩa...); tăng cường đầu tư giao thông thủy lợi nội đồng; nạo vét 8 công đầu kênh Vĩnh Tế, 94 công trình nạo vét các tuyến kênh đảm bảo phục vụ sản xuất.

- Chăn nuôi: Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trong những năm qua được khống chế tốt, mặc dù trong năm 2019 đã xảy ra dịch tả heo Châu phi, đến ngày 01/10/2019 công bố hết dịch, thiệt hại tiêu hủy 2.805 con heo với 148.083kg đã hỗ trợ 137 hộ với số tiền 4.039,58 triệu đồng; đến nay tổng đàn gia súc 25.033 con (7.440 con heo) và 167.859 gia cầm; mặt khác hỗ trợ phối giống 257 con bò; hỗ trợ 51 bò đực giống; 52 biogas và 07 bình nitơ.

- Lâm nghiệp: Tổ chức diễn tập thành công phòng cháy chữa cháy rừng. Từ năm 2016 đến nay đã trồng được 1.215.314 cây các loại, nâng tổng diện tích rừng hiện có lên 8.774 ha, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng năm 2019 đạt tỷ lệ 24,74% và năm 2020 là 25,24% đạt 100%NQ.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tổng số vốn đầu tư từ năm 2016 – 2019 là 442.858 triệu đồng⁴ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Đến nay có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Núi Voi, Thới Sơn, Tân Lợi, Nhơn Hưng) đạt 200% NQ. Hiện nay có 01 xã đạt 14/19 tiêu chí, 02 xã đạt 12/19 tiêu chí, 02 xã đạt 11/19 tiêu chí và 02 xã đạt 09/19 tiêu chí; triển khai xây dựng ấp nông thôn mới.

b) Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển, tập trung ven tuyến QL 91, ĐT 948 và một số khu, điểm thu hút đông du khách, đến nay có 167 cơ sở hoạt động dịch vụ có bãi đậu xe, phục vụ 40 khách trở lên/lượt.

- Công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ đạt kết quả tốt, hiện có 8/12 chợ đã chuyển đổi theo chủ trương của UBND tỉnh⁵; tổ chức 03 điểm trưng bày hàng đặc sản ở chợ Tịnh Biên, Khu di tích Miếu Bà Bàu Mướp - Nhà Bàng và Rừng trà Trà Sư; Cửa hàng Bách hóa xanh đi vào hoạt động ở thị trấn Tịnh Biên, Chi Lăng, Nhà Bàng, gian hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP đạt nhiệm vụ UBND tỉnh giao. Mặt khác, duy trì tổ chức Hội chợ Thương mại quốc tế tại Khu

³ Liên kết 11 doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm so nhiệm kỳ trước không có doanh nghiệp nào. Liên kết Cty Phước Nông trồng 18 ha cây đậu đỏ; Tập đoàn Sao Mai trồng 83,3 ha cây khoai mì; Cty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ nông nghiệp Việt Nam trồng 63,33 ha cây đậu phộng. Về cơ giới hóa trong thu hoạch đạt 89% diện tích lúa, 128 máy gặt đập liên hợp tăng 72 máy gặt đập liên hợp so đầu nhiệm kỳ; 163 máy cày, máy xới; 05 máy cuộn rơm; 01 máy cây lúa; 28 máy kéo lúa, 02 thiết bị gieo hạt lúa; 393 máy xay phân, 18 lò sấy. Diện tích trạm bơm điện phục vụ 5.546 ha chiếm 33% diện tích sản xuất.

⁴ Vốn ngân sách TW 243.479.858 trđ; ngân sách tỉnh 153.463 trđ; ngân sách huyện 28.337 trđ và vốn huy động doanh nghiệp, nhân dân 17.579 trđ.

⁵ Đã chuyển đổi mô hình quản lý 8/12 chợ, chỉ còn chợ biên giới Tịnh Biên, Văn Giáo, Núi Voi, Ba Xoài.

công nghiệp Xuân Tô định kỳ hằng năm đã khẳng định hiệu quả trong kết nối giao thương trong, ngoài huyện.

- Về phát triển kinh tế biên giới: Từ sau năm 2015, Khu Thương mại ngừng hoạt động đã ảnh hưởng hoạt động thương mại biên giới không còn sôi động như trước, tuy nhiên chợ biên giới Tịnh Biên, chợ bò Tà Ngáo, khu vực Đường Sứ An Nông tiếp tục duy trì và việc giao thương giữa hai cửa khẩu vẫn trao đổi, mua bán hàng hóa, từ đó kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 đạt 320 triệu USD, năm 2020 đạt 345 triệu USD tăng gấp 3 lần so năm 2015 (106 triệu USD).

- Về phát triển du lịch luôn được xác định là mũi đột phá ở địa phương; huyện tiếp tục chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ (mời gọi đầu tư⁶; phát triển hạ tầng du lịch⁷; tăng cường quảng bá, giới thiệu hình ảnh địa phương⁸); tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi hành vi ứng xử văn hóa trong kinh doanh du lịch; tích cực duy trì 3 an (an ninh trật tự; an toàn giao thông và an toàn thực phẩm). Riêng Rừng trà Trà Sư được công nhận 2 kỷ lục Việt Nam. Về sản phẩm du lịch: Phát triển được 04 sản phẩm và 07 đặc sản⁹ phục vụ du lịch. Kết quả lượng du khách đến địa bàn huyện gần 04 triệu lượt khách/năm, tăng bình quân 6 - 7%/năm, doanh thu tăng bình quân 8 - 10%/năm.

- Riêng về Khu Du lịch Núi Cấm¹⁰ đã công nhận là Khu du lịch địa phương, công bố quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 với quy mô 1.050,58 ha, năm 2017 được bình chọn là Khu du lịch tiêu biểu của đồng bằng sông Cửu Long; huyện nỗ lực phát huy vai trò trách nhiệm trong quản lý quy hoạch, đảm bảo duy trì an ninh trật tự và phát triển cảnh quan môi trường đảm bảo xanh, sạch, an toàn.

c) Về ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất

Chủ động liên kết triển khai thực hiện 30 đề tài, dự án, tổ chức 02 hội thảo khoa học, tập trung về các vấn đề cơ bản, then chốt trong phát triển kinh tế xã hội ở địa phương¹¹, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển bền vững.

d) Huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực của xã hội đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị

⁶ Có 07 dự án đầu tư lĩnh vực du lịch 930.565 m² kinh phí 1.603,5 tỷ, trong đó 02 dự án đã hoạt động 45.742m² kinh phí 23,5 tỷ đồng; 04 dự án đang triển khai 872.863m² kinh phí 1.196,5 tỷ đồng/1.529 tỷ đồng và 01 dự án chưa triển khai 11 tỷ đồng.

⁷ Đầu tư 6 tuyến đường 44.158 trđ; Khu văn hóa Cửu Trùng Đài 6 tỷ; nhà trưng bày chùa Phật 2,5 tỷ; Đông lang Đình Thới Sơn 1,5 tỷ; Trâu Sấm Trâu Sét 8,2 tỷ, tổng cộng 10 công trình 62.358 trđ (không tính dự án cơ sở hạ tầng Núi Cấm 150 tỷ; dự án Nâng cấp ĐT 948 kinh phí 443.677 triệu đồng).

⁸ Phát hành 1.300 ma-két, 1.190 Sổ tay du lịch; 800 quyển Tổng quan Tịnh Biên; 400 đĩa VCD; đăng báo Đầu tư, báo An Giang kinh phí gần 200 trđ.

⁹ Bốn sản phẩm du lịch là Marathon Núi Cấm, Du lịch điện mặt trời, Công viên nước Thanh Long, cầu tre Vạn bước trong rừng trà Trà Sư; về đặc sản: 3 sản phẩm Làng dệt Khmer Văn Giáo + 04 sản phẩm từ cây thốt nốt (mứt thốt nốt; bình trà, bàn - ghế, bộ bình).

¹⁰ Khu du lịch Núi Cấm chưa đạt chuẩn cấp quốc gia là do: Không có trong quy hoạch của TW; cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo; đến tháng 4/2018 chuyển giao tình quản lý.

¹¹ Các đề tài về cây đặc sản (dược liệu Núi Cấm, gạo Nàng Nhen, cây Chúc, măng măng tông Núi Cấm, cây huyền tinh, cây ngãi trắng, hoa và cây cảnh Núi Cấm) gà rừng Thất Sơn và lĩnh vực du lịch (phát triển cây ăn trái gắn với du lịch Tịnh Biên; du lịch cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng Bảy Núi...)

- Tổng thu ngân sách nhà nước: 450,8 tỷ đồng/ 445 tỷ đồng vượt 01,3% NQ, trong đó tập trung chủ yếu là nguồn thu ngoài quốc doanh chiếm hơn 53%/năm, nguồn thu từ kinh tế biên giới chiếm 43,82%.

- Từ năm 2016 đến nay, đã thu hút 25 doanh nghiệp đăng ký thực hiện 33 dự án đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đầu tư 10.802.236 triệu đồng¹², nổi bật là năm 2019 có 03 dự án điện năng lượng mặt trời, trong đó có 01 dự án tổng mức đầu tư 3.000 tỷ đồng lớn nhất từ trước đến nay của tỉnh An Giang; dự án Công viên nước Thanh Long, dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trà Sư... tác động tích cực phát triển địa phương, góp phần tăng thu ngân sách tỉnh và huyện.

- Trong 5 năm qua, tổng vốn đầu tư xây dựng là 802 tỷ đồng, nổi bật nhiều dự án trọng điểm đã và đang triển khai, tạo bước ngoặt mới trong quá trình xây dựng, phát triển huyện như Đường tỉnh 955A, Đường tỉnh 948, đường Lâm Vô, HL 11, dự án cơ sở hạ tầng Núi Cấm, dự án Khu dân cư dưới chân Núi Cấm, đặc biệt xây dựng cơ sở hạ tầng 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và đô thị thực sự tạo chuyển biến rõ rệt, nhiều tuyến giao thông huyết mạch đã, đang xây dựng¹³ từ đó đã kết nối từ nội địa ra biên giới; kết nối các cụm xã, các khu dân cư, các điểm thu hút du khách vận chuyển thuận lợi. Mặt khác, tích cực xử lý các điểm đen an toàn giao thông¹⁴. Tổ chức thành công di dời dân cư bờ Bắc Vĩnh Tế, thị trấn Tịnh Biên lên Tuyến dân cư Xuân Biên.

- Về hạ tầng kỹ thuật đô thị ngày càng hoàn thiện, phát triển vỉa hè, 11 công viên, phát triển đèn chiếu sáng, trồng cây xanh, năm 2018 được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV¹⁵, đến nay đạt 89,62 điểm tăng 6,12 điểm so năm 2017.

- Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có 393 cơ sở, đạt giá trị sản xuất 340.000 triệu đồng tăng 278% so năm 2015 (tăng 218.000 triệu đồng); phát triển mô hình sản xuất công đoạn, gia công¹⁶; xây dựng công, nhà trưng bày sản phẩm làng nghề dệt Khmer Văn Giáo; sản phẩm đường thốt nốt và dệt Khmer Văn Giáo đạt sản phẩm công thôn tiêu biểu cấp tỉnh và rượu cà na Hòa Kiều đạt Thương hiệu Việt uy tín năm 2019; công nhận 7 sản phẩm đạt chuẩn OCOP.

- Về phát triển các thành phần kinh tế: Đến nay toàn huyện có 4.204 hộ đăng ký kinh doanh, 14 hợp tác xã và 226 doanh nghiệp, đã đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Riêng về Hợp tác xã nông nghiệp đã giải thể 03

¹² Gồm 13 dự án đã đưa vào hoạt động; 15 dự án đang triển khai; 05 dự án chưa triển khai, trong đó 02 dự án khu dân cư đang triển khai; 07 dự án du lịch; 05 dự án nông nghiệp công nghệ cao (02 dự án đã hoạt động, 3 dự án đang triển khai); 11 dự án thương mại (03 dự án đã hoạt động, 05 dự án đang triển khai, 03 dự án chưa triển khai); 08 dự án công nghiệp (05 dự án đã hoạt động, 03 dự án đang triển khai); trong đó cụm công nghiệp An Nông có 03 dự án đầu tư.

¹³ Đường tỉnh 955A, Đường tỉnh 948, HL 11, HL 6, đường Bàu Mướp, đường Đình, Lâm Vô, đường Tây Trà Sư, đường Tà Ngáo... Vốn đầu tư trung hạn đầu tư xây dựng 15 tuyến đường, kinh phí 45.444 triệu đồng.

¹⁴ Tuyến Đường tỉnh 948 (Cua Nhà Gạt Thới Sơn; cua Mầu giáo Tân Lợi); cua Ranh Làng Núi Voi; cua 13 và cua 15 và đang thi công đường tránh Nhà Bàng (đường Liên xã Thới Sơn - Nhà Bàng).

¹⁵ Vốn kiến thiết đô thị 4 năm (2017 - 2020) là 53 tỷ đồng.

¹⁶ Có 13 cơ sở may; gia công bao bì; 05 cơ sở sản xuất gạch không nung; chế biến mắm, me; mô hình chặt sả ở An Phú. Ngân sách huyện ủy thác Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay ưu đãi 3.300 triệu đồng phát triển ngành nghề từ năm 2017 - 2020.

hợp tác xã kém hiệu quả, hiện có 09 hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động; hỗ trợ 05 cán bộ trẻ trình độ đại học về tham gia công tác hợp tác xã.

2. Về văn hoá – xã hội và môi trường

a) *Đổi mới mạnh mẽ giáo dục - đào tạo*

Toàn huyện có 69 trường học, giảm 03 trường so với đầu nhiệm kỳ, trong đó có 15/69 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 21,74% tăng so với nhiệm kỳ trước (8,33%); nâng cấp và trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thí nghiệm, thực hành đáp ứng nhu cầu cho dạy và học¹⁷. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên luôn được củng cố, quan tâm đào tạo về chuyên môn và lý luận chính trị, trình độ chuyên môn của giáo viên đạt và trên chuẩn; hằng năm huy động học sinh đến trường đạt, vượt NQ, góp phần giảm tỷ lệ học sinh bỏ học (hơn 50%); duy trì và nâng chuẩn công tác Phổ cập giáo dục và Xóa mù chữ; kết quả tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia có chuyển biến tích cực; được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh xếp hạng 4 toàn tỉnh. Công tác khuyến học, khuyến tài ngày càng có tác động tích cực đến xã hội¹⁸. Từng bước đẩy mạnh công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp, tư vấn hướng nghiệp về nhu cầu việc làm, xu hướng nghề nghiệp của xã hội để học sinh, thanh niên chọn nghề phù hợp năng lực bản thân và điều kiện gia đình.

b) *Phát triển văn hóa, thể dục thể thao và thông tin truyền thông*

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ngày càng đi vào chiều sâu, đời sống văn hóa vùng đồng bào dân tộc Khmer được quan tâm phát triển. Tính đến nay, toàn huyện có 29.238/30.531 hộ gia đình văn hóa (đạt 96%); 177/177 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký danh hiệu văn hóa được kiểm tra công nhận (đạt 100%); duy trì và nâng chất 61/61 xóm, ấp văn hóa (đạt 100%); có 07 xóm ấp được công nhận điểm sáng văn hóa biên giới; 04 xã được công nhận xã văn hóa nông thôn mới. Các thiết chế văn hóa – thể thao được đầu tư xây dựng kiên cố, đúng tiêu chuẩn¹⁹, mức hưởng thụ về các loại hình văn hóa thông tin của người dân được nâng cao. Tổ chức thành công Đại hội TDTT năm 2018; dẫn đầu phong trào thể thao quần chúng; đóng góp vận động viên cho tỉnh, quốc gia.

- Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành và tổ chức thực hiện, nổi bật triển khai hệ thống trực tuyến cấp xã; mô hình phòng họp không giấy đầu tiên trong tỉnh; phát triển công nghệ thông tin điện tử. Tỷ lệ phủ sóng truyền thanh đạt 70%.

c) *Lao động, việc làm và an sinh xã hội*

¹⁷ Bình quân trên 5.000 triệu đồng/năm; xây dựng mới 38 phòng học và đầu tư xây dựng kiên cố Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Tịnh Biên 89.000 triệu đồng. Vốn trung hạn đầu tư 29 trường kinh phí 25.783 triệu đồng.

¹⁸ Kết quả Hội Khuyến học vận động xã hội hóa 30.278 triệu đồng.

¹⁹ Nhà thi đấu thể dục thể thao, hồ bơi, phòng GYM, sân đua bò, 02 thư viện, Trung tâm văn hóa – học tập cộng đồng xã Núi Voi, xã Nhon Hưng, di tích chôn Thép Nhon Hưng 280m², 4.353 trđ; 09 bưu điện văn hóa xã, 07 điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao và Khu văn hóa Cừu Trùng Đài đầu tư 6.000 trđ.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng²⁰; thực hiện tốt việc chăm lo, phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn. Công tác an sinh xã hội luôn được quan tâm, xã hội hóa cất nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, quà Tết cho hộ nghèo, hộ khó khăn, khuyến học, xe chuyên bệnh,... mỗi năm trên 25.000 triệu đồng. Công tác giảm nghèo thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ²¹, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 17,77% năm 2015 xuống còn 3,41% cuối năm 2020, vượt NQ. Công tác giải quyết việc làm cho 34.247 lao động; xuất khẩu lao động được 78 người; mở được 92 lớp dạy nghề với 2.883 lao động; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề toàn huyện lên 27,68%²².

- Bên cạnh đó, luôn thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em, trong 05 năm qua, đã hỗ trợ trên 118.000 lượt trẻ em, với số tiền khoảng 15.000 triệu đồng.

d) Công tác y tế và dân số

Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình; công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên; tình hình dịch bệnh tuy có tăng như sốt xuất huyết, tay chân miệng, nhưng được khống chế, nằm trong tầm kiểm soát, không bùng phát thành dịch lớn. Bảo tồn và phát triển y học cổ truyền, kết hợp đông tây y khám chữa bệnh; vận động xã hội hóa, xây dựng phòng khám nhân đạo; hiện có 13 xe chuyên bệnh miễn phí. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện từ 100 giường lên 120 giường; xây dựng Trung tâm y tế; Phòng Khám khu vực Tịnh Biên, 06 trạm y tế xã²³ kinh phí 29.956,5 triệu đồng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động y tế tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm đạt yêu cầu.

đ) Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Hoàn chỉnh công tác Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; về đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đã hoàn tất công tác đo đạc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tập trung trên địa bàn 09 xã, thị trấn²⁴; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 397,54 ha (trong đó đất nông nghiệp: 373,36 ha, đất ở: 24,18 ha).

²⁰ Trợ cấp thường xuyên hơn 40.000 đối tượng kinh phí 58.792,41 trđ; tính đến nay toàn huyện có 151 Mẹ được tặng và truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng.

²¹ Triển khai 08 mô hình giảm nghèo bền vững 07 xã với 258 hộ, kinh phí 1.999,02 trđ. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay 14 chương trình = 1.443.748 trđ; trong đó dư nợ cho vay hộ nghèo 194.821 trđ; hộ cận nghèo 177.449 trđ; hộ mới thoát nghèo 183.736 trđ.

²² Năm 2015 đạt 20,34%; năm 2016 đạt 22,68%; năm 2017 đạt 24,71%; năm 2018 đạt 25,58%; năm 2019 đạt 27,23% và ước năm 2020 đạt 27,68%.

²³ Gồm Trạm Y tế (TYT) xã Thới Sơn 503,54 m² = 3.723 trđ; TYT xã An Nông 527 m² = 2.784 trđ; TYT xã Tân Lập 519 m² = 4.294 trđ; TYT xã Tân Lợi 503 m² = 4.186 trđ; TYT xã Văn Giáo = 473,6 m² = 3.739 trđ; TYT xã Nhơn Hưng 454,8 m² = 3.503 trđ.

²⁴ Nhà Bàng, Tịnh Biên, Chi Lăng, An Nông, An Cư, An Hào, An Phú, Nhơn Hưng, Tân Lợi với diện tích là 18.264,12 ha và tổ chức đăng ký với diện tích là 13.869,7 ha.

- Về môi trường: Công tác thu gom chất thải rắn ở đô thị hàng năm đều đạt Nghị quyết HĐND huyện²⁵. Về khoáng sản: Ban hành Kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn. Kiểm tra 77 cuộc, phát hiện 23 trường hợp khai thác khoáng sản trái phép, đã quyết định xử phạt tiền 179,8 trđ. Tổ chức thực hiện quy hoạch cải tạo đất gò cao, đất trền núi, toàn huyện có 17 vùng với 351,55ha. Đến nay, chủ trương cho khai thác 03 vùng để phục vụ các công trình cấp bách của huyện, hiện có 01 doanh nghiệp đang triển khai thực hiện tại vùng 03-AC ấp Bà Đen, xã An Cư.

- Về biến đổi khí hậu: Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu; xây dựng kế hoạch, theo dõi, cập nhật tình hình, có giải pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu kịp thời, hiệu quả. Đến nay, đã triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi²⁶; xây dựng 04 Trạm Khí tượng Thủy văn chuyên dùng trong điều kiện biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện.

e) Công tác dân tộc, tôn giáo

- Thực hiện các chính sách dân tộc kịp thời, đúng quy định; triển khai hiệu quả Chương trình 135 với nhiều công trình thiết thực, từ đó vùng đồng bào dân tộc thiểu số Khmer ngày càng khởi sắc, cơ sở hạ tầng (điện, nước, đường giao thông, đèn công cộng...) và phúc lợi xã hội (trường học, trạm y tế, công trình văn hóa thể thao...) đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa kịp thời đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và hưởng thụ văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt lồng ghép các chương trình thực hiện hoàn thành Đề án Mẫu giáo trong phum sóc; xây dựng mới Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Tịnh Biên, xây dựng lò hỏa táng tại 23/24 chùa Nam tông Khmer.

- Thực hiện tốt việc quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ và tạo điều kiện cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định pháp luật; vận động chức sắc, chức việc các tôn giáo, tín ngưỡng tham gia công tác xã hội từ thiện; giải quyết tốt các tranh chấp liên quan tôn giáo, dân tộc, không để xảy ra điểm nóng.

3. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

- Chủ động nắm và xử lý kịp thời mọi tình huống không để xảy ra bị động, bất ngờ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu và nổi bật là công tác phối hợp giữa các lực lượng Quân sự Công an – Biên phòng – Hải quan – Kiểm lâm... ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả, nhiều vụ việc đã phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, đúng quy định.

- Công tác quân sự địa phương luôn chủ động bám sát NQ, chỉ đạo cấp trên, tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; thực hiện đạt chỉ tiêu tuyển chọn gọi thanh niên nhập ngũ đảm bảo số lượng, chất

²⁵ Năm 2016= 79,78%; năm 2017 = 93,57%; năm 2018 = 95,41%; năm 2019 = 97,33%; năm 2020 = 98,09% vượt NQ.

²⁶ Đầu tư xây dựng hồ trữ nước Tà Lọt, xã An Hào; hồ Suối Tiên xã An Cư; dự án xây dựng cống Tha La, cống Trà Sư; dự án nâng sức chứa hồ Ô tuk Sa phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu.

lượng²⁷. Công tác giáo dục quốc phòng – an ninh luôn quan tâm thực hiện đạt chỉ tiêu hằng năm²⁸. Công tác huấn luyện tổ chức đúng nội dung, thời gian quy định, kết quả đạt khá²⁹, đặc biệt trong nhiệm kỳ tổ chức diễn tập cấp huyện 04 lần và cấp xã 14 lần đạt được mục đích, yêu cầu đề ra.

- Xây dựng lực lượng tổ chức, biên chế, bố trí, quản lý, sử dụng quân số đúng quy định, lực lượng thường trực đạt 109,38%; Dân quân tự vệ 1,48% dân số đạt chỉ tiêu NQ³⁰. Về lực lượng dự bị động viên tỷ lệ 72,48% đạt NQ. Công tác tuyển sinh đăng ký được 360 thí sinh, đủ điều kiện xét tuyển 232 thí sinh, trúng tuyển 31 thí sinh đạt tỷ lệ 13,36%, vượt chỉ tiêu NQ.

- Hoàn thành công tác phân giới cắm mốc 08/08 cột mốc, trong đó có cột mốc đại 275 cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên và quản lý, bảo vệ tốt, an toàn đường biên, cột mốc, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, không để xảy ra điểm nóng trên tuyến biên giới, tuy nhiên có một vài trường hợp cày đất sản xuất vi phạm quy chế biên giới; vài vụ việc đánh bắt thủy sản trái phép... đều chủ động phối hợp giải quyết kịp thời, không ảnh hưởng đến mối quan hệ hữu nghị, thân thiết giữa chính quyền, các lực lượng và dân cư 2 bên biên giới.

- Công tác đối ngoại luôn giữ vững quan hệ với các huyện, xã và lực lượng giáp biên giới; chủ động phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới, không để dây dưa, kéo dài căng thẳng tạo cơ thành điểm nóng về an ninh chính trị. Bên cạnh đó, hằng năm duy trì tổ chức đoàn sang thăm, chúc Tết cổ truyền, tặng quà cho hộ nghèo, khó khăn, không ngừng tăng cường mối quan hệ hữu nghị, thân thiết, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế vùng biên; tổ chức thành công giao lưu văn hóa hữu nghị 2 bên biên giới Việt Nam - Campuchia.

- Thực hiện chủ trương quốc phòng - an ninh kết hợp phát triển kinh tế - xã hội luôn nêu cao ý thức gắn kết trong từng chương trình, kế hoạch liên quan ở địa phương³¹, đặc biệt được trên quan tâm đầu tư xây dựng các chốt dân quân (An Nông, An Phú, Nhơn Hưng, Núi Cấm) và trụ sở 04 Xã đội kiên cố đảm bảo phục vụ hoạt động và sẵn sàng chiến đấu tốt.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng vững mạnh, có nhiều mô hình mới, cách làm hay trong công tác phòng, chống tội phạm; chủ động nắm, xử lý kịp thời mọi tội phạm, tệ nạn xã hội được kiềm chế, tai nạn giao thông giảm qua từng năm. Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự được quan tâm thực hiện tốt; hoàn thành việc thu thập dữ liệu quốc gia về dân cư. Lực lượng Công an nhân dân được tăng cường và quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; hoàn thành việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh tại Công an xã, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giữ gìn an ninh trật

²⁷ Đăng ký, quản lý 30.361 công dân; tuyển chọn, gọi nhập ngũ 513 đạt 100% chỉ tiêu; về chất lượng tuyển quân có 02 đảng viên, 420 đoàn viên, 231 tình nguyện.

²⁸ Đối tượng 2 = 09/09; đối tượng 3 = 77/85; đối tượng 4 = 2.466/2.646 đạt 93,18%; chức sắc tôn giáo 86/86 vị và 11.042 học sinh đạt 100%KH.

²⁹ Huân luyện Dân quân tự vệ nghiêm túc 70 lượt với 3.898 đ/c đạt 100%KH.

³⁰ Phát triển 406 đảng viên (Dân quân 237 đảng viên = 15,23%; Tự vệ 169 đảng viên = 66,8%); 694 đoàn viên.

³¹ Chương trình dân cư vượt lũ bố trí nền cho quốc phòng Tuyển dân cư 23 An Nông; Nhơn Hưng; An Phú, Tân Lập; xây dựng đường Latina – Tà Lọt; đường kênh 3/2; đường Tà Ngáo; HL 13... đều kết hợp phục vụ quốc phòng.

tự tại địa bàn cơ sở. Qua đó, giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

4. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

- Công tác cải cách hành chính tập trung giải quyết những vấn đề cụ thể, thiết thực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, chỉ số cải cách hành chính từ hạng 11 lên hạng 5 (tăng 6 bậc so năm 2015); chỉ số hài lòng đạt 90,68 điểm (hạng 4 toàn tỉnh trước là hạng 11). Công tác chỉ đạo, điều hành bám sát chủ trương của trên; đổi mới phương pháp, lề lối làm việc; tăng cường đi cơ sở hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn; tập trung giải quyết công việc theo từng chuyên đề; giảm hội họp không cần thiết và nhất là nỗ lực ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước đạt hiệu quả³².

- Về tổ chức bộ máy: Đã sáp nhập 1 số đơn vị; tái lập Trung tâm Phát triển quỹ đất; thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch UBND 13/14 xã, thị trấn (còn thị trấn Tịnh Biên); thực hiện mô hình liên huyện³³. Tổ chức thi tuyển công chức cấp xã, kết quả tuyển dụng được 37/41 công chức; giảm 09 biên chế hành chính, tỷ lệ giảm 07,38% (năm 2021 giảm thêm 03 biên chế là đạt 10%). Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh³⁴.

- Thực hiện tốt các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt tỷ lệ 65,2% và mức độ 4 đạt 69,3%, dịch vụ bưu chính công ích gần 50.000 hồ sơ/năm; triển khai “mô hình 03 không” cấp huyện, cấp xã đạt hiệu quả cao, được sự đồng tình của nhân dân và nhân rộng toàn tỉnh; mô hình “khách hàng trong giải quyết thủ tục hành chính”; tổ chức kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ đạt 100%KH.

- Về xây dựng phát triển huyện thành lập thị xã: Xây dựng Kế hoạch lộ trình thực hiện, tổng hợp so sánh thực trạng huyện với tiêu chuẩn thị xã và 07 xã, thị trấn với tiêu chuẩn phường; tổ chức tuyên truyền trong cộng đồng dân cư 98 lượt với 6.375 lượt người dân và cán bộ, công chức, viên chức tham dự.

5. Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và tư pháp

- Thực hiện 57 cuộc thanh tra theo kế hoạch và đột xuất đạt 100%KH, trong đó thanh tra hành chính 30 cuộc, thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của

³² Sử dụng email, group Zalo để thông tin truyền đạt ý kiến chỉ đạo; hệ thống trực tuyến cấp xã; phòng họp không giấy Ecabinet; thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh...

³³ Sáp nhập Trung tâm Văn hóa và Trung tâm TDTT thành Trung tâm Văn hóa - Thể thao; Trung tâm y tế và Bệnh viện đa khoa thành Trung tâm Y tế; thành lập BQLDA ĐTXD khu vực Tịnh Biên; Chi cục Thuế khu vực Tịnh Biên – Tri Tôn; Hạt Kiểm lâm liên huyện Tịnh Biên – Châu Đốc; Trạm Thủy lợi liên huyện Tịnh Biên – Tri Tôn; sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGD vào Trung tâm Y tế huyện; sáp nhập PCKV Chi Lăng vào Trạm y tế Chi Lăng.

³⁴ Cử đào tạo 18 thạc sỹ, 02 đại học, bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp 01 cán bộ, 191 chuyên viên, 129 chuyên viên chính; kỹ năng lãnh đạo quản lý và kiến thức chuyên ngành cho 956 cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách. Về đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực du lịch được 4 đại học, 23 cao đẳng; ngành nông nghiệp: 22 người bồi dưỡng quản lý hợp tác xã; đào tạo nông dân kiến thức về sản xuất, nuôi trồng theo hướng chất lượng, giảm giá thành, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăn nuôi...328 lớp với 9.904 lượt nông dân; xây dựng 245 mô hình.

pháp luật về phòng, chống tham nhũng 14 cuộc; thanh tra về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai 13 cuộc³⁵.

- Tiếp nhận, giải quyết 22 đơn khiếu nại mới phát sinh thuộc thẩm quyền đạt 100%. Trong nhiệm kỳ tập trung xử lý, giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc khiếu nại tồn đọng kéo dài (hiện chỉ còn 03 vụ do yêu cầu hộ dân vượt quá quy định pháp luật).

- Công tác phòng, chống tham nhũng: Tổ chức tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng³⁶; triển khai các biện pháp phòng ngừa tham nhũng³⁷. Tổ chức các cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện quy định pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng các cơ quan, UBND xã, thị trấn (bình quân 2 – 3 cuộc/năm), qua đó kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục hạn chế, thiếu sót đối với các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật 100% văn bản quy phạm pháp luật của trung ương mới ban hành, từ năm 2018 duy trì sinh hoạt Ngày pháp luật định kỳ hằng tháng theo hình thức trực tuyến. Duy trì tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở hằng năm đạt từ 90% trở lên, chủ yếu các lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình và đất đai, năm 2018 được UBND tỉnh công nhận đơn vị dẫn đầu phong trào hòa giải ở cơ sở.

II. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT

1. Ưu điểm

- Toàn huyện luôn thể hiện quyết tâm cao, năm năm qua đạt và vượt 14/14 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra, đặc biệt được Trung ương công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV và xây dựng dựng 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tạo tiền đề cơ bản tiếp tục phát triển thành lập thị xã.

- Về cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng khu vực thương mại dịch vụ và công nghiệp xây dựng; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; tiếp tục khẳng định sự lãnh, chỉ đạo đã chủ động khai thác, phát huy lợi thế so sánh về lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch.

- Nỗ lực đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi vùng cao; hệ thống thủy lợi nội đồng, góp phần tích cực chuyển đổi cây trồng từ đất lúa kém hiệu quả sang rau màu, cây ăn trái, triển khai nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Thu hút đầu tư vào hai lĩnh vực then chốt kinh tế mũi nhọn là hoạt động du lịch và nông nghiệp công nghệ cao gắn với điện năng lượng mặt trời, thực sự tác động trực tiếp vào quá trình xây dựng và phát triển huyện nhà.

- Lĩnh vực văn hóa xã hội đạt nhiều kết quả phấn khởi, công tác giáo dục đào tạo có bước chuyển biến tích cực; công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân

³⁵ Kết quả thu hồi 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng 96.148,4 m²; thu hồi nộp ngân sách 335,5 trđ; kiểm điểm rút kinh nghiệm 50 cơ quan, đơn vị và kiểm điểm trách nhiệm, xử lý 23 cá nhân.

³⁶ Tuyên truyền trên 200 cuộc, trên 5.000 lượt người dự; Đài truyền thanh tuyên truyền tin, bài, câu chuyện truyền thanh (50 tin/năm), 24 chuyên mục chính sách pháp luật/năm.

³⁷ Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức tiêu chuẩn; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; thực hiện đúng quy định về kê khai, minh bạch tài sản thu nhập.

ngày càng phục vụ tốt hơn; hoạt động văn hóa thể thao được phát huy tối đa điều kiện sẵn có, tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn³⁸.

- Công tác an sinh xã hội thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, nỗ lực tổ chức thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo; đào tạo nghề; giới thiệu, tạo việc làm cho lao động và xuất khẩu lao động sang các nước có thu nhập cao; công tác xã hội hóa ngày càng thu hút nhiều thành phần tham gia trên các lĩnh vực an sinh xã hội.

- Giữ vững chủ quyền biên giới, duy trì an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không xảy ra điểm nóng về an ninh chính trị; đạt nhiều thành quả trong công tác quân sự địa phương và an ninh nông thôn. Công tác cải cách hành chính và hoạt động chính quyền đạt hiệu quả cao.

- Vận động và phát huy nội lực khối đại đoàn kết toàn dân tham gia phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh; kịp thời chỉ đạo các ngành, các xã, thị trấn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở gắn với cải cách thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân.

2. Hạn chế

a) Kinh tế

- Phát triển kết cấu hạ tầng sản xuất chưa gắn kết với tổ chức lại sản xuất, cụ thể việc xây dựng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, tiêu biểu là hợp tác xã còn nhiều khó khăn; việc nhân rộng các mô hình sản xuất tiêu biểu còn chậm.

- Thương mại dịch vụ du lịch tuy phát triển nhưng chất lượng còn hạn chế; sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chưa thực sự hấp dẫn, chưa có sức cạnh tranh cao.

b) Văn hoá, xã hội và môi trường

- Tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm; lĩnh vực y tế có lúc có nơi còn gây phiền hà cho người bệnh và thân nhân người bệnh; cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa thể thao chưa đảm bảo phục vụ theo yêu cầu.

- Công tác bảo vệ môi trường còn nhiều khó khăn, nhất là giải pháp kỹ thuật để chủ động khắc phục ảnh hưởng lũ núi; mặt khác nhận thức của cộng đồng chưa thực sự nâng cao trách nhiệm giữ gìn môi trường chung.

c) Quốc phòng - an ninh

- Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân còn thấp so với yêu cầu.

³⁸ Lễ công bố đạt tiêu chí đô thị loại IV; giao lưu văn hóa hữu nghị hai bên biên giới Việt Nam – Campuchia lần thứ II năm 2019; Ngày Hội văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào dân tộc thiểu số Khmer tỉnh AG lần thứ XXII năm 2019; Lễ Hội đua bò Bảy Núi; kỷ niệm 40 năm ngày tái lập huyện, chào mừng Đạo hội Đảng các cấp, Lễ Quốc khánh 2/9...

- Tội phạm ma túy, tín dụng đen, trộm cắp tài sản và tệ nạn xã hội (cờ bạc) vẫn còn tiềm ẩn.

d) Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

Công tác quản lý của chính quyền ở một số lĩnh vực chưa hiệu quả; chưa chủ động có giải pháp tích cực, hiệu quả để ngăn ngừa, xử lý kịp thời ngay từ đầu các vụ việc vi phạm pháp luật.

đ) Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị có lúc thiếu quan tâm lãnh, chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, nhất là các giải pháp phòng ngừa, một vài nơi thiếu dân chủ nên phát sinh tố cáo, khiếu nại.

III- NGUYÊN NHÂN THÀNH TỰU, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân thành tựu

a) Khách quan

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Huyện Ủy và sự phối hợp, hỗ trợ của các sở ngành cấp tỉnh trong thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện đảng bộ và Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020.

- Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi, có cửa khẩu quốc tế và trục giao thông trọng yếu, tuyến du lịch trọng điểm của tỉnh và khu vực; là địa bàn biên giới, miền núi, dân tộc được thụ hưởng nhiều chính sách ưu đãi.

b) Chủ quan

- Phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng bộ trong chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, chính quyền; năng động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nghị quyết cấp trên và cấp mình phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; sự đồng thuận của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và quần chúng nhân dân trong huyện đã góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2016 – 2020.

- Phát huy tốt mối quan hệ kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng đóng quân trên địa bàn và mối quan hệ hữu nghị, thân thiết với chính quyền, các lực lượng của nước bạn Campuchia.

- Công tác chỉ đạo, điều hành có trọng tâm, trọng điểm, xác định nhiệm vụ cấp bách, bức xúc tập trung thực hiện nên đạt hiệu quả.

2. Nguyên nhân hạn chế

a) Khách quan

- Do địa bàn miền núi, dân tộc, biên giới mặc dù được nhiều chính sách ưu đãi nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức (ảnh hưởng thoát lũ núi; trình độ dân trí chưa đồng đều nên khó khăn trong thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn...).

- Trình độ sản xuất; tập quán canh tác nhỏ, lẻ; năng lực quản trị doanh nghiệp còn hạn chế nên trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cạnh tranh trong giao thương còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu.

- Là địa bàn biên giới ít nhiều chịu sự tác động trực tiếp nên huyện Tịnh Biên là nơi mà bọn tội phạm ma túy và các tệ nạn xã hội vẫn còn tiềm ẩn điều kiện để hoạt động.

- Về nguyên nhân chủ yếu chưa đạt mục tiêu của Nghị quyết thành lập thị xã là do chưa được đầu tư đúng tầm theo yêu cầu.

b) Chủ quan

- Một vài người đứng đầu cơ quan, địa phương còn thiếu sự quan tâm trên một số lĩnh vực công tác, thiếu linh hoạt, chủ động xử lý vấn đề phát sinh.

- Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư nên chưa tạo được việc làm tại chỗ, số người trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa chiếm tỷ lệ khá lớn.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động, hướng dẫn chưa có giải pháp phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn, sức thuyết phục chưa cao nên việc chuyển đổi hành vi chậm, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Đội ngũ cán bộ một số đồng chí năng lực còn hạn chế, chưa có nhiều giải pháp tích cực trong tham mưu thực hiện.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 – 2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi: Huyện Tịnh Biên là vùng trọng điểm phát triển thương mại, du lịch; cơ sở hạ tầng được quan tâm và đầu tư, thu hút nhiều dự án lớn về năng lượng sạch, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại, dịch vụ ... Tình hình biên giới tiếp tục ổn định và giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo; Đảng bộ đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động là điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển nhanh, bền vững.

2. Thách thức: Nông nghiệp là nền tảng, nhưng thách thức, rủi ro nhiều, giá cả nông sản không ổn định; thiên tai, dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi... diễn biến phức tạp sẽ cản trở lớn cho việc phát triển kinh tế, xã hội của huyện; các thế lực thù địch luôn tiềm ẩn lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc gây mất ổn định về

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tệ nạn và các loại tội phạm có nguy cơ gia tăng, nhất là tội phạm về ma túy; tình hình tai nạn giao thông diễn biến phức tạp.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN 5 NĂM (2021 - 2025)

1. Quan điểm phát triển: Giai đoạn 2021 - 2025 có ý nghĩa quan trọng cho việc xây dựng huyện Tịnh Biên phát triển nhanh và bền vững, tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, du lịch gắn với bảo vệ môi trường; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nông nghiệp vẫn là nền tảng, lấy thương mại, dịch vụ, du lịch làm khâu đột phá; giữ gìn bản sắc văn hóa, đảm bảo quốc phòng - an ninh; phát huy dân chủ, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu tổng quát: Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân; đẩy mạnh ba khâu đột phá; giữ vững quốc phòng - an ninh; quyết tâm xây dựng huyện phát triển nhanh và bền vững.

3. Xác định ba khâu đột phá

- (1) Phát triển hạ tầng giao thông và đô thị.
- (2) Chuyển đổi cây trồng gắn với phát triển dịch vụ du lịch.
- (3) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển địa phương.

4. Chỉ tiêu phát triển chủ yếu:

a) Chỉ tiêu về kinh tế:

- (1) Chuyển đổi 4.000 ha trên nền đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao.
- (2) Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn 05 năm là 600 tỷ đồng.
- (3) Xây dựng 100 sản phẩm đặc thù của địa phương phục vụ du lịch, phấn đấu 50% sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao; đến cuối năm 2025 có 03 sản phẩm đưa vào hệ thống phân phối quốc gia.
- (4) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 07 xã, trong đó có 03 xã nâng cao.

b) Chỉ tiêu xã hội:

- (5) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt 40% .
- (6) Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân 50% (bình quân tăng 1%/năm).
- (7) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành đến năm 2025 giảm còn dưới 05%
- (8) Số lao động được đào tạo nguồn nhân lực phục vụ dịch vụ du lịch từ 01 – 02 lớp/năm.

(9) Số bác sĩ trên mười ngàn dân đến năm 2025 đạt 6,5 bác sĩ (73 bác sĩ).

(10) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95% dân số.

(11) Tỷ lệ duy trì, nâng chất danh hiệu “Áp văn hóa nâng cao” đạt 29/48 ấp chiếm 60.41%.

c) Chỉ tiêu về môi trường:

(12) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 98%.

d) Chỉ tiêu về quản lý nhà nước:

(13) Tỷ lệ cơ quan Nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Hình thành các vùng nông nghiệp quy mô lớn, khép kín; từng bước thu hút một số doanh nghiệp nông nghiệp đầu tàu giữ vai trò dẫn dắt quá trình thực hiện chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông sản chủ lực trên địa bàn huyện. Hỗ trợ các doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, tập trung cho nhóm sản phẩm là gạo, cây ăn trái, cây dược liệu... gắn với thực hiện Chương trình Quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp tập trung chủ yếu chuyển đổi cây trồng trên nền đất lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu, cây ăn trái gắn với phục vụ du lịch; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo thành các vùng chuyên canh cây ăn trái gắn kết với việc hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác kết nối với thị trường trên cơ sở chủ động liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mô hình vườn du lịch gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết nối vào chuỗi du lịch của tỉnh. Đồng thời, phát huy hiệu quả công trình thủy lợi vùng cao, hệ thống thủy lợi đã, đang đầu tư xây dựng đảm bảo phục vụ sản xuất, trong đó chú ý các sản phẩm có lợi thế như cây dược liệu, cây ăn trái vùng núi.

- Đẩy mạnh tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới cùng tham gia với hệ thống chính trị tại địa phương; huy động nguồn lực từ lồng ghép các chương trình đầu tư và vận động xã hội hóa; phương châm thực hiện dễ làm trước khó làm sau, nỗ lực hoàn thành tốt mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Tiếp tục phát huy lợi thế vị trí đầu mối giao thông và lợi thế so sánh phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ; kết nối giao thương giữa các vùng trung tâm tỉnh An Giang với Hà Tiên, Phú Quốc tỉnh Kiên Giang và thành phố Hồ Chí Minh; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp sớm triển khai thực hiện các dự án về du lịch; đa dạng hóa các loại hình sản phẩm du lịch; nâng cao và cải thiện chất lượng dịch vụ du lịch trên

địa bàn huyện; tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá giới thiệu du lịch Tịnh Biên; chủ động đào tạo nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực du lịch; nghiên cứu việc xây dựng khu tái định cư để di dời dân trên núi Cấm. Nâng chất hoạt động các chợ trung tâm; phát triển thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc hàng hóa; phát triển loại hình đảm bảo an toàn thực phẩm, tiện ích; đẩy mạnh xúc tiến thương mại đầu tư và hoạt động hội chợ; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng bán hàng văn minh. Thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn nhằm tạo cơ sở thu hút đầu tư; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi các dự án phù hợp với điều kiện địa phương. Tiếp tục phát triển mô hình sản xuất công đoạn, gia công, chế biến góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương; chọn lọc sản phẩm đặc thù ở địa phương để tác động hỗ trợ cải tiến mẫu mã, bao bì, chất lượng sản phẩm, tập huấn kiến thức, kỹ năng; chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ, đến cuối năm 2025 có từ 3 sản phẩm OCOP đưa vào hệ thống phân phối quốc gia.

3. Huy động các nguồn lực, đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nỗ lực thu ngân sách đạt chỉ tiêu

- Tổng vốn đầu tư công dự kiến 1.000 tỷ đồng; huy động nguồn lực để hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV, trong đó ưu tiên cho trục đô thị và các trung tâm xã, thị trấn, mở rộng không gian đô thị, tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị, tạo bộ mặt khang trang và từng bước hình thành thói quen nếp sống văn minh đô thị; phát triển hạ tầng giao thông kết nối các điểm, khu du lịch; liên kết các vùng dân cư tạo thể liên hoàn thuận lợi giao thương và phục vụ du lịch, nhất là tuyến đường liên xã qua các vùng thu hút đông du khách; tác động, phối hợp tỉnh sớm triển khai đầu tư đường tỉnh 945, đường tỉnh 949, đường tỉnh 948 giai đoạn 2.

- Tích cực khai thác và nuôi dưỡng các nguồn thu đảm bảo minh bạch, công bằng, đúng pháp luật; thực hiện tốt công tác kê khai, thanh tra, kiểm tra và xử lý nợ đọng thuế. Quản lý, khai thác tốt nguồn thu từ đất đai, hoạt động xây dựng và các lĩnh vực khác, đảm bảo đạt chỉ tiêu thu ngân sách.

4. Về giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Chuẩn bị các điều kiện và tổ chức thực hiện tốt đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; chủ động các giải pháp đột phá lĩnh vực giáo dục để nâng chất lượng dạy và học, ứng dụng các phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh; nâng chất các chuẩn phổ cập giáo dục theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tăng cường kiểm tra, giám sát về tài chính và quy chế dân chủ ngành giáo dục. Quan tâm đẩy mạnh công tác phân luồng hướng nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chủ yếu các lĩnh vực bức xúc ở địa phương như chất lượng giáo viên Tiếng Anh; đào tạo y sĩ nha khoa; công nghệ thông tin cho tuyến cơ sở và nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực du lịch.

- Đẩy mạnh công tác đánh giá kiểm định chất lượng; chủ động thực hiện các hồ sơ minh chứng đảm bảo công nhận trường chuẩn quốc gia theo lộ trình; khuyến khích mở rộng các loại hình ngoài công lập, đặc biệt đối với ngành học mầm non; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa khuyến học, khuyến tài.

5. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế và dân số

- Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, tranh thủ nguồn lực đầu tư xây dựng Trạm y tế xã An Phú, xã Vĩnh Trung, thị trấn Nhà Bàng, xã An Hảo, xã An Cư đảm bảo 100% Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; mở rộng quy mô theo hướng chuyên khoa tại Trung tâm Y tế huyện; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, nhằm từng bước đáp ứng các nhu cầu thiết yếu phục vụ khám, điều trị bệnh, góp phần nâng cao công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân; cải thiện sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng dân số, đến năm 2025 phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chuyên môn. Duy trì ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý bệnh viện; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và y đức của cán bộ, nhân viên ngành y tế; cải cách thủ tục về phương thức thanh toán chi phí điều trị không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng trong phòng, chống dịch bệnh; tăng cường công tác kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động hành nghề dược, y tế tư nhân.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động tham gia bảo hiểm y tế, nhất là số người không còn hưởng chế độ do Nhà nước hỗ trợ, gắn với đổi mới thủ tục hành chính và nâng cao thái độ, chất lượng khám chữa bệnh đối với người có thẻ bảo hiểm y tế tạo niềm tin trong nhân dân.

6. Về văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, giữ vững, nâng chất danh hiệu văn hóa, tiếp tục nâng cao mức hưởng thụ văn hóa trên cơ sở quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao, góp phần xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa lành mạnh, tiên bộ trong xã hội. Tổ chức các sự kiện, lễ, ngày kỷ niệm nghiêm túc, tiết kiệm và hiệu quả thiết thực; bảo tồn, khai thác, phát huy có hiệu quả văn hóa vật thể và phi vật thể; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao; duy trì, phát triển các giải thể thao đặc thù của huyện (chống xuống mùa nước nổi, leo núi, đua bò, đua ghe ngo trên cạn, đội cào om lấy nước) và hoạt động thể thao quần chúng.

- Về lĩnh vực thông tin - truyền thông: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực; đảm bảo 100% xã có bưu điện cung ứng đa dịch vụ (dịch vụ công, dịch vụ bưu chính viễn thông, ...); đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt tỷ lệ trên 60% và 40% mức độ 4; tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh từ huyện đến cơ sở, đạt tỷ lệ phủ sóng truyền thanh 95%.

7. Về lao động, việc làm, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và công tác tôn giáo, dân tộc

- Tổ chức giới thiệu, tư vấn tạo việc làm cho lao động; chủ động liên kết các cơ sở dịch vụ việc làm, dạy nghề để thuận lợi cho lao động tìm việc làm phù hợp; tích cực đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động trên cơ sở hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ ngân sách huyện ủy thác cho Ngân hàng Chính sách Xã hội.

- Tiếp tục thực hiện công tác giảm nghèo theo hướng bền vững gắn với tư vấn, giới thiệu tạo việc làm ở địa phương; phát huy các mô hình giảm nghèo bền vững và nhân rộng các mô hình phù hợp điều kiện thực tế; lồng ghép các nguồn vốn thích hợp để tạo cơ hội cho hộ nghèo ý thức vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, công bằng, chính xác và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, tiếp tục nâng cao nhận thức của xã hội về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập có cơ hội phát triển; từng bước có giải pháp tích hợp các chính sách để thực hiện hiệu quả phù hợp quy định hiện hành. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác an sinh xã hội trong đó ưu tiên cho gia đình người có công.

- Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tạo thuận lợi tiếp tục nâng cao đời sống vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; chủ động giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, cơ sở thờ tự có liên quan đến tôn giáo, dân tộc; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và giải quyết dứt điểm các vụ việc không để phát sinh “Điểm nóng dân tộc, tôn giáo”.

8. Về khoa học - công nghệ: Phát huy vai trò của khoa học - công nghệ và xem khoa học - công nghệ là đòn bẩy của quá trình xây dựng và phát triển huyện. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các tiến bộ khoa học - công nghệ, từng bước nâng cao mức đóng góp của khoa học - công nghệ vào tăng trưởng kinh tế của huyện; phát huy mạnh mẽ vai trò của đội ngũ trí thức; nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của huyện; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp về sở hữu trí tuệ, đổi mới thiết bị công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ đối với các sản phẩm chủ lực phục vụ du lịch.

9. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu: Thực hiện chuẩn hóa số liệu quy hoạch sử dụng đất phục vụ người dân có thể truy cập; khai thác tốt nguồn lực từ đất đai, đáp ứng kịp thời việc giao đất, cho thuê đất phục vụ đầu tư khu cụm công nghiệp, kinh tế cửa khẩu, du lịch dịch vụ thương mại; tăng cường quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản hiệu quả và kiên quyết xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng, chủ động ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại do ảnh hưởng thời tiết, biến đổi khí hậu; tăng

cường giám sát và kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nâng cao chất lượng môi trường đô thị và nông thôn, bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên.

10. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc trên từng địa bàn, lĩnh vực. Tập trung mọi nguồn lực giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống, không bị động, bất ngờ, không để xảy ra điểm nóng về an ninh chính trị.

- Chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, giữa quốc phòng - an ninh với đối ngoại; quan tâm đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ; tổ chức diễn tập và hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân; giáo dục quốc phòng - an ninh và công tác huấn luyện đạt yêu cầu đề ra.

- Xây dựng lực lượng quân sự, dân quân tự vệ, dự bị động viên và công an nhân dân trong sạch, vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết, của cả hệ thống chính trị để đấu tranh hiệu quả, phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

11. Công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Duy trì, nâng chất công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ 100% đội ngũ hòa giải viên cơ sở, đảm bảo tỷ lệ hòa giải thành trên 90% hằng năm.

- Triển khai thực hiện các cuộc thanh tra đạt 100% kế hoạch; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo mới phát sinh đạt từ 90% trở lên. Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng như đất đai, tài chính...Nỗ lực giải quyết nhanh, kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân theo đúng quy định, hạn chế thấp nhất đơn thư tồn đọng; tiếp tục giải quyết dứt điểm đơn thư tồn đọng kéo dài. Triển khai đồng bộ việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm; tăng cường thực hiện giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kiện toàn các cơ quan tư pháp, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động đảm bảo kịp thời, chính xác, không sai phạm; thực hiện cải cách tư pháp đúng chủ trương, tuân thủ theo pháp luật.

12. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện cải cách hành chính, duy trì chỉ số cải cách hành chính từ hạng 3 trở lên; nâng cao chỉ số hài lòng của người dân thực hiện thủ tục hành chính đạt trên 90%. Xây dựng kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt công tác lưu trữ tài liệu, xây dựng kho lưu trữ đúng quy cách, an toàn.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và dịch vụ công trực tuyến; xử lý nghiêm công chức, viên chức những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tích cực hoàn thiện chính quyền điện tử các cấp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó tập trung phát huy hiệu quả hệ thống trực tuyến, mô hình phòng họp không giấy, Trung tâm điều hành thông minh, các phần mềm phục vụ các thủ tục hành chính; các lĩnh vực giáo dục, y tế, nông nghiệp, giao thông...

- Tiếp tục xây dựng phát triển huyện theo hướng đô thị, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV. Tiến hành điều tra định kỳ hằng năm về thu nhập bình quân đầu người/năm của hộ gia đình làm cơ sở chỉ đạo và thực hiện giải pháp nâng cao mức sống của dân cư.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch 05 năm của ngành, địa phương mình cụ thể, đầy đủ, chi tiết từng mục tiêu, chỉ tiêu; đồng thời đề xuất các giải pháp thực hiện nhiệm vụ của ngành, địa phương mình để thực hiện.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025 sẽ công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của huyện để doanh nghiệp, người dân biết, thực hiện và giám sát kế hoạch.

3. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện phối hợp với Văn phòng HĐND & UBND huyện theo dõi, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ đặt ra và tổ chức tổng kết việc thực hiện định kỳ hằng năm, kịp thời động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện các Phòng, Ban ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện kiến nghị với UBND tỉnh, Trung ương những cơ chế, chính sách, điều chỉnh, bổ sung các luật, văn bản dưới luật nhằm tạo hành lang pháp lý phù hợp phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025 hiệu quả và bền vững./.

*Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Huyện;
- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Luân

Biểu tổng hợp
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Chỉ tiêu Nghị quyết	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Kết quả (2016-2020)	đạt tỷ lệ so NQ	Chỉ tiêu theo QH tổng thể*
CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT											
1. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân	Trđ/ha	65,22	95	67,23	70,75	85,12	124,93	125	125	131,58%	85 - 90
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2.126,53	3.070,68	2.876,17	3.319,88	4.425,294	5.089,572	5.864,134	5.864,134	165,75%	4.700
3. Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	Tỷ đồng	71,6	445	80,396	81,690	92,636	107,682	86,04	450,801	101,3%	445
4. Quy mô dân số	người	121.729	122.578	121.877	122.019	122.160	108.485	108.607	108.607	-13.971	122.578
5. Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi:											
+ Mẫu giáo	%	96,42	70	103,06	101,94	96,23	105,160	86,13	86,13	vượt	70
+ Tiểu học	%	98,31	100	99,12	101,30	100,58	99,32	100	100	đạt	100
+ THCS	%	100,34	79	98,1	98,39	104,99	99,79	96,99	96,99	vượt	79
+ THPT	%	89,86	50	91,28	96,99	98,70	96,37	68,24	68,24	vượt	50
6. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	%	37,41	43,5	43,4	43,4	44,5	45,70	46	46	vượt	43,5
7. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%/năm (theo chuẩn hiện hành)	%	17,77	10	3,56	3,38	5,55	1,46	1,05	15	vượt	15
8. Số giường bệnh trên mười ngàn dân	Giường	3,83	16,56	11,8	12,32	13,11	15,67	16,57	16,57	100,06%	14,68
9. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	11,46	9	10,86	10,33	9,64	9,37	9	9	100%	9
10. Số Bác sĩ trên mười ngàn dân	Bác sĩ	4,6	5,3	5,25	5	5,57	6,27	6,26	6,26	138,08%	5,3
11. Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân	%	69,03	80	77,25	91,02	94,85	95,22	98,78	98,78	vượt	98,63
12. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,24	100	89,4	91,12	92,00	100	100	100	100%	100
13. Thu gom chất thải rắn ở đô thị	%	65,99	98	79,78	93,57	95	97,33	98,08	98,08	vượt	98
14. Xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	1	2	1	2	3	4	4	4	200%	4
CÁC CHỈ TIÊU KHÁC											
1. Giá trị sản xuất (GO) giá SS 2010	Tỷ đồng	1.784	5.191,12	2.242,80	2.415,02	2.766,74	3.484,73	5.202,220	5.202,220	100,21%	9.526
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	431	3.149,35	1.750,82	1.873,74	2.028,74	2.648,29	3.673	3.673		2.953
- Công nghiệp	Tỷ đồng	236	554,23	132,97	146,37	160,00	173,477	187,992	187,992		1.802
- Xây dựng	Tỷ đồng	1.117	1.487,54	359,01	394,91	578,00	662,963	1.341,640	1.341,640		
2. Giá trị sản xuất (GO) giá hiện hành	Tỷ đồng	3.765	6.790,67	2.883,50	3.195,51	3.822,17	4.944,13	7.561,55	7.561,55	111,35%	13.700
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	1.284	4.657,43	2.269,39	2.519,999	2.807,17	3.755,025	5.397,259	5.397,259		4.044
- Công nghiệp	Tỷ đồng	600	568,68	163,97	180,37	197,00	213,477	230	230		2.673
- Xây dựng	Tỷ đồng	1.881	1.564,56	450,13	495,14	818,00	955,627	1.934,299	1.934,299		
3. Doanh thu dịch vụ ăn uống và lưu trú	Tỷ đồng	không có	11,60	10,68	112,55	987,909	1.347,609	1.836,223	1.836,223		không có
4. Số lao động được tạo việc làm	người	9.167	20.000	7.453	7.170	7.933	7.691	6.000	36.247	181,23%	20.000

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Chỉ tiêu Nghị quyết	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Kết quả (2016-2020)	đạt tỷ lệ so NQ	Chỉ tiêu theo QH tổng thể*
5 Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,57	100	99,61	99,70	99,80	99,80	100	100	100%	100
6 Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	không có	100	50	60	73	90	100	100	100%	100
7. Tỷ lệ che phủ rừng	%	22,52	25,24	22,76	23,43	24,10	24,74	25,24	25,24	100%	25,24
8. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100%	100
9. Kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	106,957	không có	177,499	95,443	174,474	320,065	345,349	1.112,83	không có	150
10. Lượng khách du lịch	triệu L/ng	3,048	không có	3,591	3,730	3,414	3,619	3,800	18,155	không có	3,5
Doanh số du lịch (của 7 điểm, khu du lịch)	Tỷ đồng	213,36	không có	271,697	329,925	343,827	371,333	456	1.772,78	không có	1.000
11. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Lao động	996	không có	703	644	573	663	300	2.883	không có	không có
12. Tỷ lệ học sinh bỏ học											
+ Tiểu học	%	1,25	không có	0,52	0,52	0,38	0,27	0,51	0,51	không có	không có
+ Trung học cơ sở	%	4,62	không có	1,92	1,78	1,37	1,20	1,23	1,23	không có	không có
+ Trung học phổ thông	%	7,23	không có	8,14	6,91	3,81	3,00	3,00	3,00	không có	không có
14. Tỷ lệ hộ dân sử dụng thủy kế		86,39	không có	83	86,54	92,62	94,95	96,58	96,58	không có	không có
15. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	20,34	không có	22,68	24,71	25,58	27,23	27,68	27,68	không có	không có
16. Nhà ở NCC theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg	hộ		không có	6	274	16	30	102	428	không có	không có
Trong đó xây dựng mới (50 trđ/căn)	hộ			1	241	16	15	73	346		
- Lũy kế từ trước đến nay	hộ			188	429	445	460	533	2.055		
17. Nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	hộ		không có	40	181	191	56	360	828	không có	
Trong đó xây dựng mới	hộ			40	154	178	45	357	774		
- Lũy kế từ trước đến nay	hộ			40	194	372	417	774	1.797		
18. Thu nhập bình quân đầu người KV nông thôn	triệu đồng	24,254	không có	28,082	31,253	37,516	40,905	chưa điều tra		không có	không có

* Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 12/04/2017 của UBND tỉnh An Giang v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Chỉ tiêu Nghị quyết 2020-2025	KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025	so sánh với nhiệm kỳ trước (%)	Chỉ tiêu theo QH tổng thể (QĐ 1114 UBND tỉnh)
+ Mẫu giáo	%	107,06	88	86,9	87,5	88	88	88	tăng 1,87	>85
+ Tiểu học	%	102,08	100	100	100	100	100	100	100	100
+ THCS	%	102,29	98,5	97	97,3	97,8	98,1	98,5	tăng 1,51	90
+ THPT	%	95,51	70	70	70	70,50	70,50	71,00	tăng 2,46	70
4. Tỷ lệ học sinh bỏ học										không có
+ Tiểu học	%	0,30	1	1	1	1	1	1	tăng 0,7	
+ THCS	%	1,20	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	giảm 0,5	
+ THPT	%	3	3	3	3	3	3	3	100	
5. Tỷ lệ hộ dân sử dụng thùy kế	%	96,37	99	97	97,5	98	98,5	99	tăng 2,63	không có
6. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100
7. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100
8. Lượng khách du lịch	triệu L/ng	3,6	5	3,80	4,0	4,4	4,7	5,0	tăng 1,4	4,50
9. Doanh số du lịch (7 điểm, khu du lịch)	tỷ đồng	1.526,4	không có	1.691	1.868	2.516	2.420,5	2.700	176,88%	1.300
10. Thu nhập bình quân đầu người/năm (không tính nguồn của doanh nghiệp trên địa bàn)	Triệu đồng	32,91	50	34,557	36,285	40,199	42,209	50	không có	không có

(*): Thực hiện theo lộ trình của UBND tỉnh, riêng năm 2021 thì Kế hoạch của UBND tỉnh đạt tỷ lệ là 20%.